

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 33



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La ngày 31/7/2024 với mã số doanh nghiệp 5500271984 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT-STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 31/7/2024 là: 405.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: B44 - TTĐT Văn Quán - Yên Phúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên Sàn UpCOM với mã NED.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Ngự	Chủ tịch (Bỏ nhiệm ngày 31/7/2024)
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26/7/2024)
Ông Trần Văn Huyền	Thành viên độc lập (Chủ tịch HĐQT đến ngày 31/7/2024)
Ông Trần Đức Hậu	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)
Ông Dương Văn Quyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Văn Hồ	Trưởng ban (Bỏ nhiệm ngày 26/7/2024)
Bà Trần Thị Trinh	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26/7/2024)
Ông Trần Văn Phúc	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 26/7/2024)
Bà Bùi Thị Vân	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)
Bà Vũ Thị Trà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)
Bà Trần Thùy Linh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Ngọc	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 10/7/2024)
Ông Dương Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc (Tổng Giám đốc đến ngày 10/7/2024; bỏ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 19/7/2024)
Ông Nguyễn Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/7/2024)

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Điều hành, ngoài sự kiện đã nêu tại mục 7.1 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Trần Văn Ngự
Chủ tịch HĐQT

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Số: 310/2024/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc, được lập ngày 26 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

107
3 T
H H
TO/
ETN
NỘ

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.14 Vốn chủ sở hữu trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2023 trong đó chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế số tiền 20.250.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 26/12/2023 của Hội đồng Quản trị về việc tạm hoãn thực hiện chia cổ tức 2022. Do vậy, cổ tức từ Lợi nhuận sau thuế của năm 2022 chưa được ghi nhận là Nợ phải trả số tiền 20.250.000.000 đồng.

Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề trên.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024

CPA VIETNAM

912
Y
I
IN
AM
1-2

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		13.761.620.723	15.330.603.708
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	971.967.422	247.528.230
1. Tiền	111		971.967.422	247.528.230
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.892.504.126	13.378.366.975
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	9.560.586.626	6.753.285.428
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		290.252.000	55.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.041.665.500	6.570.081.547
IV. Hàng tồn kho	140	5.4	1.490.190.688	1.480.842.604
1. Hàng tồn kho	141		1.490.190.688	1.480.842.604
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		406.958.487	223.865.899
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	406.958.487	223.865.899
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		636.535.516.037	645.522.078.131
II. Tài sản cố định	220		415.676.325.247	422.490.121.063
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	415.676.325.247	422.490.121.063
- Nguyên giá	222		606.647.558.631	606.647.558.631
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(190.971.233.384)	(184.157.437.568)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		360.000.000	360.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(360.000.000)	(360.000.000)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	209.412.566.067	209.823.607.065
1. Đầu tư vào công ty con	251		101.800.000.000	101.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		130.679.860.000	99.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	31.050.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(23.067.293.933)	(22.026.392.935)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.446.624.723	13.208.350.003
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	11.446.624.723	13.208.350.003
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		650.297.136.760	660.852.681.839

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		184.475.969.308	201.144.190.502
I. Nợ ngắn hạn	310		76.406.709.308	64.750.850.502
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	4.786.773.127	4.362.784.829
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	6.036.651.610	4.633.696.053
4. Phải trả người lao động	314		969.402.560	1.510.982.507
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	166.010.780	376.022.557
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	4.721.949.180	4.821.847.379
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	57.874.160.000	47.191.555.126
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.851.762.051	1.853.962.051
II. Nợ dài hạn	330		108.069.260.000	136.393.340.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	108.069.260.000	136.393.340.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		465.821.167.452	459.708.491.337
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	465.821.167.452	459.708.491.337
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		405.000.000.000	405.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		405.000.000.000	405.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.545.454.545	2.545.454.545
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		58.275.712.907	52.163.036.792
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		52.163.036.792	48.377.536.433
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.112.676.115	3.785.500.359
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		650.297.136.760	660.852.681.839
(440 = 300+400)				

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Phạm Văn Thoả

Phạm Văn Thoả

Trần Văn Ngự



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	28.079.312.088	31.778.838.915
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		28.079.312.088	31.778.838.915
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	12.189.567.628	15.211.952.714
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		15.889.744.460	16.566.886.201
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.781.074.285	1.368.831
7. Chi phí tài chính	22	6.4	8.396.460.781	13.650.073.040
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.355.559.783	11.468.643.949
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.297.005.589	2.517.658.087
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		7.977.352.375	400.523.905
11. Thu nhập khác	31	6.6	39.809.091	39.232.755
12. Chi phí khác	32	6.6	301.059.812	89.341.776
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(261.250.721)	(50.109.021)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		7.716.101.654	350.414.884
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.603.425.539	43.975.665
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		6.112.676.115	306.439.219

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Phạm Văn Thoả

Phạm Văn Thoả

Trần Văn Ngu



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.716.101.654	350.414.884
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		6.813.795.816	6.823.455.486
- Các khoản dự phòng	03		1.040.900.998	2.181.429.091
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.781.074.285)	(1.368.831)
- Chi phí lãi vay	06		7.355.559.783	11.468.643.949
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		20.145.283.966	20.822.574.579
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.485.862.849	(5.764.106.307)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.348.084)	499.529.577
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		771.757.189	855.160.766
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.578.632.692	2.056.627.431
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.485.571.560)	(11.544.132.337)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.168.992.019)	(351.588.588)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	39.232.755
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.200.000)	(59.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.315.425.033	6.554.197.876
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(134.729.860.000)	(18.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		136.880.415.000	24.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		659.285	1.368.831
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.151.214.285	5.501.368.831
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17.641.475.126)	(11.215.080.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(100.725.000)	(87.150.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(17.742.200.126)	(11.302.230.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		724.439.192	753.336.707
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	247.528.230	155.903.728
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	971.967.422	909.240.435

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Phạm Văn Thoả

Phạm Văn Thoả

Trần Văn Ngự



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La ngày 31/7/2024 với mã số doanh nghiệp 5500271984 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT-STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 31/7/2024 là: 405.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: B44 - TT ĐT Văn Quán - Yên Phúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng người lao động của Công ty tại ngày 30/6/2024 là 35 người (Tại ngày 31/12/2023 là 40 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư xây lắp công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình điện;
- Và một số ngành nghề kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các Công ty con, liên doanh liên kết như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	Bản Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Kinh doanh điện năng	99,80%	99,80%	99,80%
Công ty liên kết					
Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc	679 Quang Trung, Quảng Thịnh, Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình	Lô A2, Khu công nghiệp Khánh Phú, Xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Đúc sắt, thép	39,96%	39,96%	39,96%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt niên độ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Hệ thống đập Nhà máy Thủy điện	47 - 48
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Tổ máy phát điện	47 - 48
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

TSCĐ vô hình là phần mềm tin học được khấu hao trong 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời gian bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 60 tháng.

Chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, người mua trả tiền trước và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở hợp đồng, khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận dựa trên “Biên bản xác nhận chỉ số công tơ và sản lượng điện năng” hàng tháng với Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu tài chính và thu nhập khác

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Tiếp theo)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh điện năng và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	956.442.147	235.405.381
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.525.275	12.122.849
Tổng	971.967.422	247.528.230

5.2 Phải thu khách hàng

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	9.560.586.626	6.753.285.428
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn	9.560.586.626	6.753.285.428
Điện lực Việt Nam	9.560.586.626	6.753.285.428
Tổng	9.560.586.626	6.753.285.428

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.3 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	1.041.665.500	-	6.570.081.547	-
Tạm ứng	-	-	5.939.180.002	-
Ký cược, ký quỹ	138.874.500	-	138.874.500	-
Phải thu khác	902.791.000	-	492.027.045	-
Tổng	1.041.665.500	-	6.570.081.547	-

5.4 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	425.697.114	-	428.562.023	-
Công cụ, dụng cụ	1.064.493.574	-	1.052.280.581	-
Tổng	1.490.190.688	-	1.480.842.604	-

5.5 Chi phí trả trước

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	406.958.487	223.865.899
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	-	17.739.998
Chi phí bảo hiểm	406.958.487	206.125.901
Dài hạn	11.446.624.723	13.208.350.003
Phí tư vấn giá trị Rers (Dự án Nậm Công, Nậm Sọi)	831.878.189	889.249.097
Chi phí trùng tu sửa chữa lớn các nhà máy	5.460.587.903	6.216.594.989
Chi phí gia công thiết bị cơ khí phục vụ NMTĐ Nậm Công, Nậm Sọi	1.499.363.492	1.775.825.996
Chi phí nạo vét lòng hồ NMTĐ Nậm Sọi	681.684.592	920.017.924
Chi phí cấp Giấy phép sử dụng nước mặt	232.091.344	269.874.274
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	2.741.019.203	3.136.787.723
Tổng	11.853.583.210	13.432.215.902

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Bán Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.6 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2024	417.344.906.143	185.971.467.533	2.359.480.000	971.704.955	606.647.558.631
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	417.344.906.143	185.971.467.533	2.359.480.000	971.704.955	606.647.558.631
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2024	122.075.932.167	60.028.372.098	1.081.428.348	971.704.955	184.157.437.568
Tăng trong kỳ	4.456.045.488	2.161.126.992	196.623.336	-	6.813.795.816
Khấu hao trong kỳ	4.456.045.488	2.161.126.992	196.623.336	-	6.813.795.816
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	126.531.977.655	62.189.499.090	1.278.051.684	971.704.955	190.971.233.384
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2024	295.268.973.976	125.943.095.435	1.278.051.652	-	422.490.121.063
Tại 30/6/2024	290.812.928.488	123.781.968.443	1.081.428.316	-	415.676.325.247

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2024 là 415.676.325.247 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2024 là 422.490.121.063 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/6/2024 là 8.983.192.191 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2024 là 8.983.192.191 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Phần mềm tin học</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2024	360.000.000	360.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2024	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2024	360.000.000	360.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2024	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2024	-	-
Tại 30/6/2024	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 30/6/2024 là 360.000.000 đồng (tại thời điểm ngày 01/01/2024 là 360.000.000 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Bản Pá Công, xã Huổi Mốt, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ		30/6/2024		01/01/2024		Đơn vị tính: VND
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào Công ty con							
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	99,80%	99,80%	101.800.000.000	(23.067.293.933)	101.800.000.000	(22.009.322.865)	
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết							
Công ty TNHH đầu tư Trường Đại Lộc (1)	30,00%	30,00%	130.679.860.000	(11.328.319)	99.000.000.000	(17.070.070)	
Công ty cổ phần SHP Ninh Bình (2)	39,96%	39,96%	76.729.860.000	(11.328.319)	99.000.000.000	(17.070.070)	
Đầu tư vào đơn vị khác							
Công ty Cổ phần Hoàng Long Mộc Châu (3)	-	-	-	-	31.050.000.000	-	
Tổng			232.479.860.000	(23.078.622.252)	231.850.000.000	(22.026.392.935)	

(1): Bao gồm các giao dịch:

- Thực hiện theo Quyết định số 01/QĐ-ĐHĐCĐBT ngày 01/3/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Trường Đại Lộc về việc thay đổi vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ Công ty. Theo đó giảm vốn điều lệ từ 219 tỷ đồng xuống còn 123 tỷ đồng; hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc 4.339.170 cổ phần tương đương 43.391.700.000 đồng.
- Thực hiện theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 18/3/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc. Hợp đồng chuyển nhượng số 001/2024/HĐCN/NED-VTT ngày 18/3/2024 về việc chuyển nhượng 5.560.830 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) tại Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc tương đương 45,21% vốn điều lệ cho Ông Vương Thanh Tùng. Theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 18/3/2024, các bên đã hoàn thành việc chuyển nhượng với giá trị chuyển nhượng là 58.388.715.000 đồng (Tương ứng 10.500 đồng/cổ phần). Lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần ghi nhận trong kỳ là 2.780.415.000 đồng.
- Thực hiện theo Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT ngày 18/6/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua phương án đầu tư mua cổ phần Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc. Hợp đồng chuyển nhượng số 07/2024/HĐCN ngày 17/6/2024 về việc nhận chuyển nhượng 3.690.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) tại Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc tương đương 30% vốn điều lệ từ Ông Vương Thanh Tùng. Theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 17/6/2024, các bên đã hoàn thành việc chuyển nhượng với giá trị chuyển nhượng là 76.729.860.000 đồng (Tương ứng 20.794 đồng/cổ phần).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TỬ TÂY BẮC**

Bán Pá Công, xã Huôi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- Thực hiện theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 05/7/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc. Hợp đồng chuyển nhượng số 006/2024/HĐCN ngày 05/7/2024 về việc chuyển nhượng 3.690.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) tại Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc tương đương 30,00% vốn điều lệ cho ông Trần Văn Huyền. Giá trị chuyển nhượng là 76.729.860.000 đồng (Tương ứng 20.794 đồng/cổ phần). Lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần ghi nhận trong kỳ là 0 đồng.
- (2): Bao gồm các giao dịch:
 - Thực hiện theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 18/3/2024 của Hội đồng Quản trị về việc đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình. Hợp đồng chuyển nhượng số 002/2024/HĐCN/TVH-NED ngày 18/3/2024 về việc nhận chuyển nhượng 5.800.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình tương đương 12,6% vốn điều lệ từ Ông Trần Văn Huyền. Theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 18/3/2024, các bên đã hoàn thành việc chuyển nhượng với giá trị chuyển nhượng là 58.000.000.000 đồng.
 - Thực hiện theo Nghị quyết số 06-2/NQ-HĐQT ngày 17/6/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái một phần vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình. Hợp đồng chuyển nhượng số 004/2024/HĐCN/NED-TVH ngày 17/6/2024 về việc chuyển nhượng 405.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình tương đương 3% vốn điều lệ cho Ông Trần Văn Hùng. Theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 17/6/2024, các bên đã hoàn thành việc chuyển nhượng với giá trị chuyển nhượng là 4.050.000.000 đồng (Tương ứng 10.000 đồng/cổ phần). Lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần ghi nhận trong kỳ là 0 đồng.
 - Thực hiện theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 05/7/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình. Hợp đồng chuyển nhượng số 005/2024/HĐCN ngày 05/7/2024 về việc chuyển nhượng 5.395.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình tương đương 39,963% vốn điều lệ cho ông Trần Văn Huyền. Giá trị chuyển nhượng là 53.950.000.000 đồng (Tương ứng 10.000 đồng/cổ phần). Lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần ghi nhận trong kỳ là 0 đồng.
- (3): Thực hiện theo Nghị quyết số 06-1/NQ-HĐQT ngày 17/6/2024 của Hội đồng quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Hoàng Long Mộc Châu. Hợp đồng chuyển nhượng số 003/2024/HĐCN/NED-TVH ngày 17/6/2024 về việc chuyển nhượng 3.105.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) tại Công ty Cổ phần Hoàng Long Mộc Châu tương đương 15% vốn điều lệ cho Ông Trần Văn Hùng. Theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 17/6/2024, các bên đã hoàn thành việc chuyển nhượng với giá trị chuyển nhượng là 31.050.000.000 đồng (Tương ứng 10.000 đồng/cổ phần). Lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần ghi nhận trong kỳ là 0 đồng.
- (*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	4.786.773.127	4.786.773.127	4.362.784.829	4.362.784.829
Công ty TNHH CN nặng quảng phát Nam Ninh	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930
Swiss Carbon Assets Ltd	1.606.221.336	1.606.221.336	1.642.879.235	1.642.879.235
Phải trả người bán khác	808.977.861	808.977.861	348.331.664	348.331.664
Tổng	4.786.773.127	4.786.773.127	4.362.784.829	4.362.784.829

Trong đó:

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH CN nặng quảng phát Nam Ninh	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930
Tổng	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930	2.371.573.930

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2024
	Phải nộp	4.633.696.053	6.669.513.967	5.266.558.410
Thuế giá trị gia tăng	1.749.261.314	2.271.347.343	2.169.063.288	1.851.545.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.461.240.024	1.603.425.539	1.168.992.019	1.895.673.544
Thuế thu nhập cá nhân	292.977.580	44.307.735	53.599.078	283.686.237
Thuế tài nguyên	236.963.971	1.357.570.558	810.456.089	784.078.440
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	893.253.164	1.389.862.792	1.061.447.936	1.221.668.020
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-

5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuê kênh trống Viettel	13.636.364	13.636.364
Lãi vay phải trả	152.374.416	282.386.193
Chi phí trích trước khác	-	80.000.000
Tổng	166.010.780	376.022.557

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	4.721.949.180	4.821.847.379
Kinh phí công đoàn	374.147.604	382.225.546
Phải trả công tác Đảng	77.004.904	77.004.904
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	950.363.637	950.363.637
Phải trả tiền cổ tức (*)	3.105.564.000	3.206.289.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	214.869.035	205.964.292
Tổng	4.721.949.180	4.821.847.379

(*) Cổ tức phải trả là một phần cổ tức của các năm 2020, 2021 chưa được trả của các cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và chưa đến trực tiếp Công ty làm thủ tục nhận cho đến hiện tại.

917
Y
+
ÁN
AM
-V

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Bản Pá Công, xã Huôi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.13 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2024				01/01/2024				Đơn vị tính: VND	
	Số có khả năng trả nợ		Phát sinh trong kỳ		Số có khả năng trả nợ		Giảm	Giá trị		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ				
a) Vay ngắn hạn	57.874.160.000	57.874.160.000	28.324.080.000	17.641.475.126	47.191.555.126	47.191.555.126	47.191.555.126	47.191.555.126		
a.1) Vay dài hạn đến hạn trả	57.874.160.000	57.874.160.000	28.324.080.000	17.641.475.126	47.191.555.126	47.191.555.126	47.191.555.126	47.191.555.126		
(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công	49.404.000.000	49.404.000.000	23.074.000.000	15.361.395.126	41.691.395.126	41.691.395.126	41.691.395.126	41.691.395.126		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	28.250.000.000	28.250.000.000	12.954.000.000	5.065.395.126	20.361.395.126	20.361.395.126	20.361.395.126	20.361.395.126		
Hợp đồng số 01/2009/NC-HETD (1.1)	28.250.000.000	28.250.000.000	12.954.000.000	5.065.395.126	20.361.395.126	20.361.395.126	20.361.395.126	20.361.395.126		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	21.154.000.000	21.154.000.000	10.120.000.000	10.296.000.000	21.330.000.000	21.330.000.000	21.330.000.000	21.330.000.000		
Hợp đồng số 01/2009/NC-HETD (1.1)	20.850.000.000	20.850.000.000	9.946.000.000	10.099.000.000	21.003.000.000	21.003.000.000	21.003.000.000	21.003.000.000		
Hợp đồng số 02/2012/HETDNC (1.2)	304.000.000	304.000.000	174.000.000	197.000.000	327.000.000	327.000.000	327.000.000	327.000.000		
(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi	8.090.000.000	8.090.000.000	5.060.000.000	2.090.000.000	5.120.000.000	5.120.000.000	5.120.000.000	5.120.000.000		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	3.760.000.000	3.760.000.000	2.350.000.000	940.000.000	2.350.000.000	2.350.000.000	2.350.000.000	2.350.000.000		
Hợp đồng số 01/2009/NS-HETD (2.1)	3.760.000.000	3.760.000.000	2.350.000.000	940.000.000	2.350.000.000	2.350.000.000	2.350.000.000	2.350.000.000		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	4.330.000.000	4.330.000.000	2.710.000.000	1.150.000.000	2.770.000.000	2.770.000.000	2.770.000.000	2.770.000.000		
Hợp đồng số 01/2009/NS-HETD (2.1)	4.240.000.000	4.240.000.000	2.650.000.000	1.060.000.000	2.650.000.000	2.650.000.000	2.650.000.000	2.650.000.000		
Hợp đồng số 02/2012/HETDNS (2.2)	90.000.000	90.000.000	60.000.000	90.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000		
(3) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô	380.160.000	380.160.000	190.080.000	190.080.000	380.160.000	380.160.000	380.160.000	380.160.000		
Hợp đồng số 220321-6366794-01-SME	380.160.000	380.160.000	190.080.000	190.080.000	380.160.000	380.160.000	380.160.000	380.160.000		

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Bản Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/6/2024		Phát sinh trong kỳ		01/01/2024		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
b) Vay dài hạn	108.069.260.000	108.069.260.000	-	28.324.080.000	136.393.340.000	136.393.340.000	
(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công	9.727.540.000	9.727.540.000	-	23.074.000.000	32.801.540.000	32.801.540.000	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	7.517.515.000	7.517.515.000	-	12.954.000.000	20.471.515.000	20.471.515.000	
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	7.517.515.000	7.517.515.000	-	12.954.000.000	20.471.515.000	20.471.515.000	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	2.210.025.000	2.210.025.000	-	10.120.000.000	12.330.025.000	12.330.025.000	
Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	2.199.485.000	2.199.485.000	-	9.946.000.000	12.145.485.000	12.145.485.000	
Hợp đồng số 02/2012/HĐTDNC (1.2)	10.540.000	10.540.000	-	174.000.000	184.540.000	184.540.000	
(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi	98.057.400.000	98.057.400.000	-	5.060.000.000	103.117.400.000	103.117.400.000	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	50.216.000.000	50.216.000.000	-	2.350.000.000	52.566.000.000	52.566.000.000	
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	50.216.000.000	50.216.000.000	-	2.350.000.000	52.566.000.000	52.566.000.000	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	47.841.400.000	47.841.400.000	-	2.710.000.000	50.551.400.000	50.551.400.000	
Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	44.443.400.000	44.443.400.000	-	2.650.000.000	47.093.400.000	47.093.400.000	
Hợp đồng số 02/2012/HĐTDNS (2.2)	3.398.000.000	3.398.000.000	-	60.000.000	3.458.000.000	3.458.000.000	
(3) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô	284.320.000	284.320.000	-	190.080.000	474.400.000	474.400.000	
Hợp đồng số 220321-6366794-01-SME	284.320.000	284.320.000	-	190.080.000	474.400.000	474.400.000	
Tổng	165.943.420.000	165.943.420.000	28.324.080.000	45.965.555.126	183.584.895.126	183.584.895.126	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Bản Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công

(1.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NC-HĐTD ngày 08/9/2009 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa: 183.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự Án Thủy điện Nậm Công;

- Thời hạn vay: 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;

- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần.

(1.2) Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTDNC ngày 29/6/2012 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản sau:

- Hạn mức vay tối đa: 15.000.000.000 VND;

- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Công.

- Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay theo Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (16/9/2025)

- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 03 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Công là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Công và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 275.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Động sản</u>	<u>Bất động sản</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (56%)	36.400.000.000	117.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (44%)	28.600.000.000	92.400.000.000
Tổng	65.000.000.000	210.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Bản Pá Công, xã Huổi Mốt, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

- 5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**
- (2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sọi**
- (2.1)** Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NS-HHĐTD ngày 08/9/2009 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Thanh Xuân do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối và Hợp đồng số 01/2013/NS-HHĐTD ngày 29/3/2013 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bao gồm các điều khoản chính sau:
- Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2009/NS-HHĐTD là 167.000.000.000 VND; Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2013/NS-HHĐTD là 10.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Sọi;
 - Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay các hợp đồng 01/2009/NS-HHĐTD và 01/2013/NS-HHĐTD (15/03/2026);
 - Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần.
- (2.2)** Hợp đồng tín dụng số 02/2012/NS-HHĐTD ngày 29/6/2012 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La bao gồm các điều khoản chính sau:
- Hạn mức vay tối đa: 6.000.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Dùng để cơ cấu lại tài chính (vay lãi nhập gốc);
 - Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 15/3/2026;
 - Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Sọi là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Sọi và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 225.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

<u>Ngân hàng</u>	<u>Đồng sản</u>	<u>Bất động sản</u>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (52%)	23.400.000.000	93.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (48%)	21.600.000.000	86.400.000.000
Tổng	45.000.000.000	180.000.000.000

- (3)** Hợp đồng cho vay số 220321-6366794-01-SME ngày 23/3/2021 tại Hà Nội giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc số tiền cho vay là 1.900.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 60 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích sử dụng: Thanh toán một phần tiền mua 02 xe ô tô theo Hợp đồng mua bán số 0103-05/2021/HĐMB-TG ngày 01/03/2021. Lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất được thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Khách hàng theo từng Khế ước nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 220321-6366794-01-SME/TC ngày 23/3/2021 là 2 xe ô tô nhãn hiệu Ford.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	405.000.000.000	2.545.454.545	48.377.536.433	455.922.990.978
Lãi trong năm trước	-	-	3.785.500.359	3.785.500.359
Số dư tại 31/12/2023	405.000.000.000	2.545.454.545	52.163.036.792	459.708.491.337
Số dư tại 01/01/2024	405.000.000.000	2.545.454.545	52.163.036.792	459.708.491.337
Lãi trong kỳ này	-	-	6.112.676.115	6.112.676.115
Số dư tại 30/6/2024	405.000.000.000	2.545.454.545	58.275.712.907	465.821.167.452

(*) Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 26/12/2023 của Hội đồng Quản trị về việc tạm hoãn thực hiện chia cổ tức 2022 do đó tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Cổ tức từ Lợi nhuận sau thuế của năm 2022 chưa được ghi nhận là Nợ phải trả số tiền 20.250.000.000 đồng.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
Ông Trần Văn Huyền	82.731.500.000	22.551.500.000
Các cổ đông khác	322.268.500.000	382.448.500.000
Tổng	405.000.000.000	405.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	405.000.000.000	405.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	405.000.000.000	405.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	28.079.312.088	24.817.918.483
Doanh thu chứng chỉ CERS	-	6.960.920.432
Tổng	28.079.312.088	31.778.838.915

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn điện thương phẩm	12.189.567.628	13.849.510.385
Giá vốn chứng chỉ CERS	-	1.362.442.329
Tổng	12.189.567.628	15.211.952.714

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi	659.285	1.368.831
Lãi bán các khoản đầu tư	2.780.415.000	-
Tổng	2.781.074.285	1.368.831

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền vay	7.355.559.783	11.468.643.949
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	1.040.900.998	2.181.429.091
Tổng	8.396.460.781	13.650.073.040

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.297.005.589	2.517.658.087
Chi phí nhân viên quản lý	1.552.207.593	1.346.232.250
Chi phí vật liệu quản lý	-	6.358.432
Chi phí đồ dùng văn phòng	10.943.940	47.341.516
Chi phí khấu hao TSCĐ	196.623.336	206.283.006
Thuế phí và lệ phí	26.943.515	22.346.256
Chi phí dịch vụ mua ngoài	388.939.233	605.794.881
Chi phí bằng tiền khác	121.347.972	283.301.746
Tổng	2.297.005.589	2.517.658.087

6.6 Thu nhập khác, chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ bán chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến	-	39.232.755
Thanh lý vật tư thiết bị cũ hỏng	39.809.091	-
Tổng	39.809.091	39.232.755
Chi phí khác		
Lệ phí nộp cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	-	89.341.776
Ứng hộ xây dựng khu tâm linh đền thờ Liệt sỹ	300.000.000	-
Chi phí khác	1.059.812	-
Tổng	301.059.812	89.341.776
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(261.250.721)	(50.109.021)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.7 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.716.101.654	350.414.884
- Lợi nhuận từ hoạt động chuyển nhượng cổ phần	2.780.415.000	-
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh thông thường	4.935.686.654	350.414.884
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	301.026.041	89.341.780
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>301.026.041</i>	<i>89.341.780</i>
Thu nhập chịu thuế	8.017.127.695	439.756.664
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng cổ phần	2.780.415.000	-
- Thu nhập chịu thuế từ hoạt động thông thường	5.236.712.695	439.756.664
Hoạt động chuyển nhượng cổ phần	20%	20%
Hoạt động kinh doanh thông thường	20%	10%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	1.603.425.539	43.975.665

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.772.113.436	3.558.597.984
Chi phí nhân công	3.972.270.169	3.603.958.170
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.813.795.816	6.823.455.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.636.342.279	3.237.057.143
Chi phí khác bằng tiền	292.051.517	506.542.018
Tổng	14.486.573.217	17.729.610.801

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

a. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và Công ty liên quan

- Theo Báo cáo số 02/2024/BC-DVQ ngày 15/07/2024 của ông Dương Văn Quyền - Tổng Giám đốc đã bán 120.000 cổ phiếu của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, ông Dương Văn Quyền sở hữu 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty.
- Theo Báo cáo số 15/2024/BC-TĐH ngày 15/07/2024 của ông Trần Đức Hậu - Thành viên HĐQT đã bán 100.000 cổ phiếu của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, ông Trần Đức Hậu sở hữu 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty.
- Theo Báo cáo số 02/2024/BC-BTV ngày 15/07/2024 của Bà Bùi Thị Vân - Trưởng Ban Kiểm soát đã bán 10.600 cổ phiếu của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, bà Bùi Thị Vân sở hữu 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty.
- Theo Báo cáo ngày 16/07/2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển An Khánh Hưng đã mua 2.250.000 cổ phiếu của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển An Khánh Hưng sở hữu 3.917.000 cổ phiếu, chiếm 9,67% vốn điều lệ của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán (Tiếp theo)

a. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và Công ty liên quan (Tiếp theo)

- Theo Báo cáo số 07/2024/BC-TVH ngày 18/07/2024 của ông Trần Văn Huyền - Chủ tịch HĐQT đã bán 8.273.150 cổ phiếu của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, ông Trần Văn Huyền sở hữu 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty.
- Theo Báo cáo ngày 18/07/2024 của Ông Trần Văn Ngr đã mua 4.445.050 cổ phiếu của Công ty. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Ông Trần Văn Ngr sở hữu 4.673.950 cổ phiếu, chiếm 11,54% vốn điều lệ của Công ty.

b. Sự kiện khác

- Kể từ ngày 31/7/2024 Ông Trần Văn Ngr giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay ông Trần Văn Huyền theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐQT ngày 26/7/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc.
- Kể từ ngày 10/7/2024 Ông Phạm Minh Ngọc giữ chức Tổng Giám đốc thay ông Dương Văn Quyền theo Nghị quyết số 12-1/NQ-HĐQT ngày 10/7/2024 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc.
- Kể từ ngày 10/7/2024 Ông Phạm Văn Thoả giữ chức Kế toán trưởng thay bà Nguyễn Thị Thu Hằng theo Nghị quyết số 12-2/NQ-HĐQT ngày 10/7/2024 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc.
- Đến thời điểm ngày 26/8/2024, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc theo Hợp đồng chuyển nhượng số 006/2024/HĐCN ngày 05/7/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc và ông Trần Văn Huyền.
- Đến thời điểm ngày 26/8/2024, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình theo Hợp đồng chuyển nhượng số 005/2024/HĐCN ngày 05/7/2024 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc và ông Trần Văn Huyền.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

7.2 Giao dịch các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Các bên liên quan

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La

Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc

Công ty cổ phần SHP Ninh Bình

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt

Mối quan hệ

Công ty con

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Ảnh hưởng đáng kể

1019
3 TY
1H
OÁN
INA
51

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.2 Giao dịch các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên chủ chốt

Bên liên quan		Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát		Thu nhập	879.957.837	561.247.724
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Họ và tên	Chức vụ		Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Hội đồng Quản trị				
Trần Văn Huyền	Thành viên HĐQT (Chủ tịch HĐQT đến ngày 31/7/2024)		177.844.286	72.530.036
Dương Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm thành viên HĐQT ngày 26/7/2024, Tổng Giám đốc đến ngày 10/7/2024 sau đó bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 19/7/2024)		160.463.381	71.983.494
Đặng Thị Kiều Trang	Thư ký HĐQT		135.295.000	69.987.592
Trần Đức Hậu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)		27.000.000	-
Ban Tổng Giám đốc				
Đào Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/7/2023)		-	93.542.756
Nguyễn Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/7/2024)		121.855.571	68.525.817
Ban Kiểm soát				
Bùi Thị Vân	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)		27.000.000	-
Vũ Thị Trà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)		84.941.599	54.493.085
Trần Thùy Linh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)		58.340.000	-
Đặng Thị Huyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/6/2023)		-	59.788.787
Người quản lý khác				
Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 10/7/2024)		87.218.000	70.396.157
Tổng			879.957.837	561.247.724

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

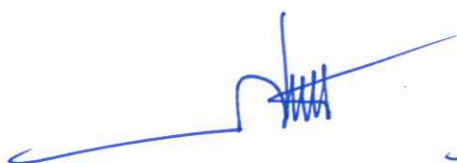
Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

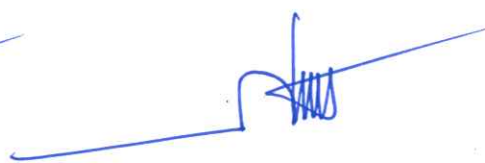
Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 26 tháng 8 năm 2024

Chủ tịch HĐQT



Phạm Văn Thoả



Phạm Văn Thoả



Trần Văn Ngu